

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 10 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hoài; ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng L, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh;

2. Bị đơn: - Anh Trần Tùng H, sinh 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Mỹ

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thúc Đ, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị P (bố mẹ đẻ anh H); địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng L và anh Trần Tùng H kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị L và anh H được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được khoảng gần 03 năm

thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên rượu chè, say xỉn về đánh đập vợ và có quan hệ bất chính với người khác, đã nhiều lần chị níu kéo nhưng anh H vẫn không từ bỏ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến hôn nhân đi vào bế tắc, năm 2015 anh H đi lao động tại nước ngoài cho đến nay chưa về Việt Nam. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tùng H

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Bùi Thị Hồng L và anh Trần Tùng H có 02 con chung là Trần Bùi Anh T, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Bùi Bảo A, sinh ngày 09/12/2014. Chị L tôn trọng ý kiến của con. Nếu anh H có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chị đồng ý và chị không đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nếu anh H không nuôi dưỡng hai con chị sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh H có vay mượn hai bên gia đình nội ngoại một số tiền, cụ thể chị không nhớ và khi vay cũng không có giấy tờ gì, tuy nhiên từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, giữa chị và anh H đã thống nhất anh H có trách nhiệm trả cho gia đình bên nội và chị L có trách nhiệm trả cho gia đình bên ngoại. Ngoài ra chị L và anh H không có vay nợ ai, việc anh H ký hợp đồng vay nợ như thế nào chị không biết và không liên quan đến chị. Chị tự nguyện đưa lại cho ông bà số tiền 50 triệu đồng vì chị L biết ơn ông bà vì đã cưu mang mẹ con chị trong những lúc khó khăn.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Tùng H trình bày:

Anh nhất trí như trình bày của chị L về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, chị L làm đơn yêu cầu ly hôn anh không nhất trí ly hôn

Về con chung: Anh Trần Tùng H trình bày nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung Trần Bùi Anh T, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Bùi Bảo A, sinh ngày 09/12/2014 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nghị đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Không có.

Về nợ chung: Anh Trần Tùng H trình bày, quá trình vợ chồng chung sống với nhau có vay nợ của bố mẹ chồng số tiền hơn 300 triệu đồng, cụ thể như thế nào anh không nhớ, khi vay anh và chị L không có viết giấy vay mượn gì, nay ly hôn anh yêu cầu anh và chị L phải có trách nhiệm trả lại cho ông bà số tiền nói trên.

Anh Trần Tùng H cho biết hiện nay anh đang lao động tự do tại Mỹ nên anh không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh tại Mỹ cho Tòa án được

và anh cũng không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Anh Trần Tùng H đề nghị Tòa án gửi, tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng thông qua người nhà là ông Trần Thúc Đ; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Hồng L đồng ý giao hai con chung cho anh Trần Tùng H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh H chưa về Việt Nam chị đồng ý giao con cho ông Trần Thúc Đ và bà Hoàng Thị Phượng (bố mẹ đẻ anh H) chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi anh H về Việt Nam và chị L tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thúc Đ và bà Hoàng Thị P trình bày quá trình chị L và anh H chung sống có vay mượn của ông bà số tiền 270 triệu đồng để làm ăn và một số tiền khác. Tuy nhiên tại phiên tòa ông bà thay đổi nội dung không yêu cầu và chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc đưa lại cho ông bà số tiền 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Hồng L được ly hôn với anh Trần Tùng H.

Về con chung: Giao hai con chung Trần Bùi Anh T, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Bùi Bảo A, sinh ngày 09/12/2014 cho anh Trần Tùng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có quan hệ tranh chấp phát sinh mới. Trong thời gian anh H chưa về Việt Nam, ông Định và bà Phượng tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi anh H về Việt Nam. Chị Bùi Thị Hồng L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Hồng L về việc hỗ trợ tiền chăm sóc cháu cho ông Trần Thúc Đ và bà Hoàng Thị P số tiền 50.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Tùng H hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Liên bang Nga không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 4132/QLXNC-P5 của Cục quản lý

xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Trần Tùng H, sinh ngày 06/6/1986 đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Tùng H trình bày vì điều kiện công việc, tình hình dịch bệnh phức tạp không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án và đã ủy quyền cho anh Trần Mạnh H (anh trai anh H) và ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho bố đẻ là ông Trần Thúc Đ; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Tùng H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng L và anh Trần Tùng H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thiếu tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị L và anh H không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau, nếu có đoàn tụ cũng sẽ không có hạnh phúc. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*". Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Hồng L xử cho chị Bùi Thị Hồng L được ly hôn anh Trần Tùng H.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Bùi Thị Hồng L và anh Trần Tùng H có 02 con chung là Trần Bùi Anh T, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Bùi Bảo A, sinh ngày 09/12/2014. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu của anh Trần Tùng H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L đóng góp cấp dưỡng nuôi con, mặc dù hiện nay anh H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung tuy nhiên từ nhỏ đến nay, các cháu sống cùng với ông bà nội, được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, các cháu phát triển tốt, đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, các cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Ông Trần Thúc Đ (bố đẻ anh H) tự nguyện xin được chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi anh H về nước, chị L cũng đồng ý giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh H là phù hợp và có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa chị L tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện của chị L là chính đáng, phù hợp nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L.

[2.3] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án xem xét nên miễn xét.

[2.4] Về nợ chung: Xét thấy quá trình giải quyết vụ án anh Trần Tùng H cũng như gia đình anh H là ông Trần Thúc Đ và bà Hoàng Thị P trình bày chị L và anh H có vay mượn của ông bà số tiền hơn 300 triệu đồng, Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng có khoản nợ chung. Ông Đ và bà P có xuất trình hợp đồng vay tiền giữa ông bà và anh H, chị L với số tiền 270 triệu đồng và một số khoản tiền khác có ghi chép vào sổ cá nhân. Tuy nhiên tại Hợp đồng cũng như sổ ghi chép cá nhân không có chữ ký của chị L, chị L cũng không thừa nhận số tiền trên. Tại đơn xin ly hôn năm 2018 của anh Trần Tùng H cũng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh H cũng như yêu cầu của ông Đ, bà P.

Chị Bùi Thị Hồng L xin tự nguyện đưa lại cho ông Đ và bà P số tiền 50.000.000 đồng nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Hồng L.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Hồng L được ly hôn với anh Trần Tùng H

2. Về con chung: Giao hai con Trần Bùi Anh T, sinh ngày 11/01/2011 và Trần Bùi Bảo A, sinh ngày 09/12/2014 cho anh Trần Tùng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Trong thời gian anh H chưa về Việt Nam, ông Trần Thúc Đ và bà Hoàng Thị P tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung đến khi anh H về Việt Nam. Chị L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Hồng L về việc đưa lại cho ông Trần Thúc Đ và bà Hoàng Thị P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai số 0000218 ngày 06/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Thu Hiền